

Số: /BC-UBND

Nam Định, ngày tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021 – 2030, tỉnh Nam Định**

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Quyết định số 20/QĐ-BCĐCCHC ngày 20/12/2019 của Ban chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ về ban hành Kế hoạch tổng thể thực hiện Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 và xây dựng Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030, UBND tỉnh Nam Định báo cáo như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

Thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 8/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2011-2020. UBND tỉnh Nam Định đã ban hành Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 02/3/2012 về việc ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2011-2015, sau đó tổ chức Hội nghị quán triệt và triển khai Kế hoạch đến các sở ban ngành và UBND các huyện, TP và UBND xã /phường/thị trấn trong toàn tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ ban hành Nghị quyết về Chính phủ điện tử, đảm bảo thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn II (2016 - 2020). Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 9/6/2016 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến đầu tư giai đoạn 2016-2020. Đây là cơ sở quan trọng để Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh Nam Định ban hành và chỉ đạo việc thực hiện các nội dung về CCHC trên địa bàn tỉnh (chi tiết tại Phụ lục 1); cụ thể:

1. Công tác xây dựng kế hoạch triển khai

Chương trình CCHC nhà nước được chia làm 2 giai đoạn là giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016 -2020, tương ứng với từng giai đoạn UBND tỉnh Nam Định đã ban hành 02 Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Nam Định là: Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 02/3/2012 về việc ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2011-2015 và Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh về Chương trình tổng thể CCHC tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020. Nội dung Kế hoạch đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ của các lĩnh vực: Cải cách thể chế; cải cách TTHC; cải cách tổ chức bộ máy; đổi mới và nâng cao chất

lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính nhà nước và công tác chỉ đạo, điều hành và các kế hoạch hàng năm về công tác: CCHC, tư pháp, thanh tra, kiểm tra, khoa học và công nghệ ...

2. Công tác phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể CCHC: Thường xuyên tổ chức các hội nghị để quán triệt Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 8/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020, các nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh và các kế hoạch của UBND tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức.

3. Công tác thông tin, tuyên truyền: Hàng năm, UBND tỉnh ban hành và triển khai kế hoạch về công tác thông tin tuyên truyền; chỉ đạo cơ quan báo, đài phát thanh truyền hình và các phương tiện thông tin của tỉnh thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền về CCHC.

UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức phổ biến, tuyên truyền bằng mọi hình thức về công tác CCHC; các sở, ban, ngành và địa phương công khai, minh bạch các TTHC; quán triệt sâu rộng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và những lợi ích xã hội của công tác cải cách hành chính. Công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang tin điện tử của các cơ quan, đơn vị về tình hình triển khai thực hiện CCHC, bộ TTHC để các tổ chức, công dân tìm hiểu và giám sát việc thực hiện công tác CCHC

4. Công tác, thanh tra, kiểm tra: Hàng năm, UBND tỉnh đều thành lập các đoàn kiểm tra công tác CCHC tại các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố và giao Sở Nội vụ tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác nội vụ trên địa bàn tỉnh.

5. Công tác tổng kết CCHC: Việc đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm hàng năm được thực hiện nghiêm túc, xác định cụ thể việc đã làm tốt, những tồn tại, hạn chế của từng ngành, từng địa phương. Kết quả thực hiện công tác CCHC của các đơn vị được đưa vào tiêu chí đánh giá, bình xét thi đua hàng năm.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được (Chi tiết tại Phụ lục 2)

a) Về tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của tỉnh trên cơ sở Hiến pháp năm 2013.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của tỉnh là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của ngành tư pháp tỉnh Nam Định, chú trọng tăng cường trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản, đảm bảo đúng theo quy định của Luật Ban hành văn bản 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật dựa trên cơ sở Hiến pháp năm 2013.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn tỉnh bằng nhiều hình thức khác nhau đến đông đảo tầng lớp nhân dân. Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đúng tiến độ theo Quyết định số 251/QĐ-TTg ngày 13/02/2014 của

Thủ tướng Chính phủ với văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để phù hợp với Hiến pháp năm 2013.

b) Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh, trong đó, tập trung các nội dung:

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, việc tuân thủ quy trình xây dựng pháp luật.

- Đề triển khai có hiệu quả nhiệm vụ kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, hàng năm UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch về việc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Theo đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo việc triển khai thực hiện việc rà soát thường xuyên các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND tỉnh ban hành, hệ thống hóa văn bản đang còn hiệu lực thi hành làm cơ sở cho việc áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản hàng năm, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, đảm bảo đúng theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Thực hiện Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 25/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL thống nhất trong cả nước kỳ 2014-2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 09/2/2018 thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Nam Định kỳ 2014-2018.

Bên cạnh đó, để việc thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo chất lượng, thời hạn theo yêu cầu, UBND tỉnh ban hành Công văn số 50/UBND-VP8 ngày 25/01/2019 về việc tham mưu thực hiện một số văn bản của Bộ Tư pháp, đôn đốc UBND các huyện và thành phố Nam Định thực hiện việc hệ thống hóa văn bản kỳ 2014-2018. Trên cơ sở kết quả hệ thống hóa văn bản, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 về việc công bố Danh mục hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2014-2018. Kết quả hệ thống hóa văn bản và các văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành đều được cập nhập thường xuyên trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và trên trang Công báo tỉnh Nam Định đảm bảo tính công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

- Công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên theo quy định. UBND tỉnh đã ban hành các Chỉ thị V/v tăng cường công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, trong đó yêu cầu Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định và UBND cấp xã thường xuyên tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền đối với các văn bản quy phạm pháp luật; xử lý triệt để, kịp thời những văn bản trái pháp luật... Bên cạnh đó, đã triển khai thực hiện công tác tự kiểm tra văn bản trong các lĩnh vực: Tài nguyên & Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra, Kế hoạch và Đầu tư...theo yêu cầu của các Bộ, ngành có liên quan. Hàng năm, thông qua công tác tự kiểm tra và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền đã kịp thời phát hiện và xử lý các văn bản QPPL ban hành không đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

c) Công tác theo dõi thi hành pháp luật

Bám sát sự chỉ đạo của Bộ Tư pháp, hàng năm Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trong đó, xác định nội dung lĩnh vực trọng tâm theo dõi thi hành pháp luật, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố kịp thời triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật theo yêu cầu của Kế hoạch.

Chủ động tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định của pháp luật với nhiều hình thức phù hợp (tổ chức hội nghị tập huấn, phát hành tài liệu, tờ rơi pháp luật, phổ biến trên hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng, trực tiếp làm báo cáo viên tuyên truyền tại các đơn vị, địa phương...).

Rà soát khó khăn, vướng mắc và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật ...

Đặc biệt, trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành, hàng năm tham mưu UBND tỉnh triển khai các hoạt động nhằm theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực: chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp; điều kiện đầu tư kinh doanh; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; bảo vệ môi trường ... với việc triển khai các hoạt động kiểm tra liên ngành, điều tra khảo sát, thu thập thông tin; trên cơ sở đó đã tiến hành phân tích, đánh giá quá trình thực thi pháp luật của các đơn vị, địa phương, kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền và đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết, xử lý theo quy định.

d) Việc tổ chức triển khai hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh:

- Các cơ chế, chính sách pháp luật của Trung ương và tỉnh đều được triển khai rộng khắp trong toàn tỉnh, mang lại hiệu quả tích cực góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự an toàn xã hội, an sinh xã hội...

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Hàng năm, Sở Tư pháp đã tham mưu Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh xây dựng và ban hành Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật. Tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật mới và kỹ năng phổ biến giáo dục pháp luật cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh; phối hợp với Phòng tư pháp các huyện, thành phố, các sở, ngành... tổ chức lớp tập huấn pháp luật theo chuyên đề, tập trung vào các lĩnh vực liên quan công tác cải cách hành chính cho hơn 1.000 tuyên truyền viên, hòa giải viên pháp luật, cán bộ cơ sở trên địa bàn 10/10 huyện, thành phố.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản là một nhiệm vụ tương đối phức tạp, đòi hỏi trình độ, chuyên môn sâu và dành nhiều thời gian để nghiên cứu thực hiện. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản chủ yếu là kiêm nhiệm, do đó đôi lúc sự tham mưu của một số cơ quan chuyên

môn chưa được kịp thời trong việc rà soát để trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương.

- Các bộ, ngành trung ương còn chậm ban hành văn bản quy định chi tiết dẫn đến khó khăn trong việc rà soát và ban hành văn bản ở địa phương cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được (Chi tiết tại Phụ lục 3)

a) Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành và của tỉnh.

Được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, công tác Kiểm soát TTHC đã đi vào nề nếp, đạt hiệu quả trong giải quyết TTHC cho cá nhân, doanh nghiệp trên tất cả các lĩnh vực. Hàng năm, Văn phòng UBND tỉnh đều tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch Kiểm soát TTHC, kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC để triển khai trên địa bàn tỉnh; công bố, công khai TTHC Tính đến 31/3/2020, tỉnh Nam Định có 1.706 TTHC trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

b) Về kiểm soát thủ tục hành chính

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo các quy định của Chính phủ: Trên cơ sở các văn bản quy định của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, theo kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC hàng năm, các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC theo ngành, lĩnh vực quản lý. Việc rà soát, đơn giản hóa TTHC tập trung kiến nghị vào trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, giảm thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện TTHC. Từ giai đoạn 2011 – 2020, tỉnh Nam Định thực hiện rà soát đối với 1.419 TTHC, trong đó số TTHC giữ nguyên: 931 TTHC, TTHC kiến nghị đơn giản hóa: 488 TTHC. Trong đó:

+ Giai đoạn từ 2011-2014: Tổng số TTHC được rà soát: 407 TTHC, trong đó TTHC giữ nguyên: 231 TTHC, TTHC kiến nghị đơn giản hóa: 176 TTHC.

+ Giai đoạn từ 2015-2019: Tổng số TTHC được rà soát: 1.012 TTHC, trong đó TTHC giữ nguyên: 700 TTHC, TTHC kiến nghị đơn giản hóa: 312 TTHC.

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính: Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện công khai địa chỉ phản ánh, kiến nghị theo quy định, từ năm 2011 đến 31/3/2020 đã tiếp nhận 74 phản ánh kiến nghị (trong đó: phản ánh kiến nghị về quy định hành chính: 44 vụ việc, vụ việc không phải là phản ánh kiến nghị về quy định hành chính: 30 vụ việc). Trong đó:

+ Từ giai đoạn 2011 – 2014: Tiếp nhận 40 phản ánh kiến nghị (trong đó: phản ánh kiến nghị về quy định hành chính: 10 vụ việc, vụ việc không phải là phản ánh kiến nghị về quy định hành chính: 30 vụ việc).

+ Từ giai đoạn 2015 – 31/3/2020: Tiếp nhận 34 phản ánh kiến nghị, (trong đó: phản ánh kiến nghị về quy định hành chính: 34 vụ việc, vụ việc không phải là phản ánh kiến nghị về quy định hành chính: 0 vụ việc).

- Tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương:

Việc tiếp nhận, giải quyết TTHC tại các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đã bám sát các quy định pháp luật về TTHC. Từ năm 2012 đến 31/3/2020, toàn tỉnh đã tiếp nhận 8.096.305 hồ sơ. Trong đó:

+ Từ 2012 đến 2014: Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 2.763.254, (cấp tỉnh: 256.448 hồ sơ, cấp huyện: 486124 hồ sơ, cấp xã: 2.020.682 hồ sơ) trong đó số hồ sơ giải quyết đúng hạn: 98,64%, số hồ sơ đang giải quyết: 1,15%, số hồ sơ quá hạn: 0,21%.

+ Từ 2015 đến 31/3/2020: Tổng số hồ sơ tiếp nhận 5.333.051, (cấp tỉnh: 732.514 hồ sơ, cấp huyện: 382.842 hồ sơ, cấp xã: 4.217.695 hồ sơ) trong đó số hồ sơ giải quyết đúng hạn: 99,4%, số hồ sơ đang giải quyết: 0,5%, số hồ sơ quá hạn: 0,1%.

- Việc cập nhật, công bố thủ tục hành chính theo quy định:

Căn cứ các quy định của Chính phủ từ năm 2011 - 2020, Văn bản quy phạm pháp luật, các quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành Trung ương, Văn phòng UBND tỉnh đã trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC, danh mục TTHC ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, của UBND cấp huyện, UBND cấp xã theo ngành, lĩnh vực với 168 Quyết định công bố TTHC (từ 2011 đến 2014: 73 Quyết định; từ 2015 đến 31/3/2020: 95 Quyết định công bố).

Tổng số TTHC đã công bố từ 2011 đến 31/3/2020 là 6.474 TTHC, trong đó: ban hành mới: 3060 TTHC, sửa đổi: 1.019 TTHC, bãi bỏ: 2.398 TTHC (từ 2011 đến 2014: tổng số 1.047 TTHC, trong đó ban hành mới: 524 TTHC, sửa đổi: 309 TTHC, bãi bỏ: 211 TTHC; từ 2015 đến 31/3/2020: tổng số 5.427 TTHC, trong đó ban hành mới: 2.536 TTHC, sửa đổi: 710 TTHC, bãi bỏ: 2.181 TTHC).

c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ

Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ký Quyết định công bố TTHC, danh mục TTHC, các TTHC đã được Phòng KSTTHC cập nhật vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC và các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC. Tổng số TTHC tính đến 31/3/2020 là 1706 TTHC, trong đó: cấp tỉnh: 1.383 TTHC, cấp huyện: 224 TTHC, cấp xã: 99 TTHC.

d) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thực hiện Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 26/10/2018 thực hiện Nghị định 61/2018/NĐ-CP trong đó thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (sau đây gọi tắt là Trung tâm) và kiện toàn lại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện, cấp xã. Ngày 30/9/2019, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nam Định chính thức đi vào hoạt động theo Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND tỉnh. Trung tâm đã trang bị máy lấy số, hệ thống máy đánh

giá độ hài lòng của người dân, hệ thống camera, máy tính phục vụ việc giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Ngoài các Sở, ban, ngành của tỉnh, một số đơn vị ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh cũng đã thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, công khai TTHC, số điện thoại, địa chỉ phản ánh kiến nghị tại Trung tâm. Các Sở, ban, ngành, các doanh nghiệp nhà nước (Bưu điện tỉnh, Điện lực tỉnh) thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm.

Hiện tại số TTHC thực hiện tại Trung tâm là: 1.237 TTHC (không tính TTHC lĩnh vực Thanh tra, TTHC giải quyết trực tiếp tại thực địa, TTHC thực hiện tại các đơn vị sự nghiệp như Trung tâm đấu giá, Công chứng, chứng thực...), từ ngày Trung tâm đi vào hoạt động 30/9/2019 đến 31/3/2020 đã có 38.845 lượt giao dịch, trong đó tiếp nhận hồ sơ: 22.498 hồ sơ, trả kết quả: 14.187 hồ sơ, giao dịch khác (tư vấn, hướng dẫn về TTHC...): 2.159 hồ sơ.

100% UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh đã thành lập hoặc kiện toàn lại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, 100% TTHC cấp huyện, cấp xã được công khai và tiếp nhận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp huyện, cấp xã.

đ) Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh bắt đầu khai trương tháng 3 năm 2018 cung cấp cho người dân, doanh nghiệp tại địa chỉ dichvucong.namdinhh.gov.vn, tính đến ngày 15/6/2020 đã có 1.294.195 lượt người truy cập. Cổng DVC cung cấp đáp ứng chức năng, yêu cầu kỹ thuật và cung cấp đầy đủ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 theo danh mục đã được phê duyệt.

Cổng DVC trực tuyến của tỉnh Nam Định là một trong 8 địa phương đầu tiên của cả nước hoàn thành việc kết nối với Cổng cung cấp dịch vụ công Quốc gia. Với 100% các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố đã thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC trên Cổng, với tổng số TTHC được cung cấp ở mức độ 3, mức độ 4 là 720/ 1.706 TTHC, đạt tỷ lệ 42% (Trong đó: cấp Sở là 616 dịch vụ, cấp huyện là 98 dịch vụ và cấp xã là 6 dịch vụ). Trên 50% số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đã phát sinh hồ sơ. Tiếp nhận hơn 60.000 hồ sơ trực tuyến mỗi năm (trong đó có hơn 12.000 hồ sơ được giải quyết trực tuyến ở mức độ 3, 4), bình quân hàng tháng đã tiếp nhận và giải quyết hơn 6.000 hồ sơ TTHC, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn hàng năm đều đạt trên 98%.

Hiện đã có 203 TTHC của tỉnh thuộc 5 lĩnh vực tư pháp, hộ tịch, bưu chính, đường bộ, xúc tiến thương mại được tích hợp trên cổng DVC Quốc gia. Mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ được công khai trên Cổng dịch vụ công của tỉnh.

Cổng dịch vụ công trực tuyến vào hoạt động là một dấu mốc trong quá trình hiện đại hóa nền hành chính của Tỉnh, xây dựng chính phủ kiến tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc sử dụng các dịch vụ công

e) Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

Ngày 27/12/2016, UBND tỉnh Nam Định ban hành văn bản số 593/UBND-VP8 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố phối hợp với Bưu

điện tỉnh thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) qua dịch vụ bưu chính công ích.

Ngày 07/7/2017, UBND tỉnh Nam Định ban hành Quyết định số 1547/QĐ-UBND phê duyệt danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích với tổng số 531 TTHC, trong đó cấp tỉnh: 509 TTHC; 22 TTHC cấp huyện. Ngày 02/8/2017, UBND tỉnh Nam Định và Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam ký kết Thỏa thuận hợp tác cung ứng dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg.

Trung tâm phục vụ hành chính công chính thức đi vào hoạt động từ tháng 01/10/2019, Bưu điện tỉnh cũng đã bố trí cán bộ làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh để thực hiện việc tiếp nhận yêu cầu của tổ chức, cá nhân giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

Kết quả tiếp nhận và trả hồ sơ TTHC qua dịch vụ BCCI các năm:

	2017		2018		2019	
	Tiếp nhận	Trả	Tiếp nhận	Trả	Tiếp nhận	Trả
Số hồ sơ được thực hiện qua DV BCCI	72.166	160.960	76.153	175.567	82.000	190.000
Tỷ lệ % trên tổng hồ sơ	7.4	16.6	8.3	18.6	9.5	21.9

g) Sáng kiến, giải pháp cải cách thủ tục hành chính.

Trong giai đoạn 2011-2020, phong trào “sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất tỉnh Nam Định” đã được triển khai rộng rãi trong toàn tỉnh, thu hút đông đảo đối tượng là các cơ quan, đơn vị, các trường đại học, cao đẳng, cộng đồng doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia, khơi gợi được sức sáng tạo, tinh thần say mê nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật, áp dụng có hiệu quả và đem lại lợi ích thiết thực, trở thành động lực quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hàng năm, số lượng sáng kiến về CCHC cấp cơ sở khá lớn, áp dụng riêng lẻ tại các cơ quan, đơn vị.

Đối với việc xét, đánh giá sáng kiến cấp tỉnh được triển khai hàng năm, năm nào cũng có những sáng kiến trong CCHC. Đặc biệt trong năm 2019 đã tiếp nhận và công nhận cho 04 sáng kiến: Sáng kiến “Xây dựng Bộ tiêu chí tự đánh giá chấm điểm ISO hành chính công tỉnh Nam Định” – của Sở KH-CN; Sáng kiến “Áp dụng một số giải pháp ứng dụng CNTT trong việc trao đổi thông tin ngành nội vụ” của Sở Nội vụ Nam Định; Sáng kiến sử dụng Bưu chính công ích trong tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp đổi giấy phép lái xe” của Sở Giao thông Vận tải; Sáng kiến “Liên thông điện tử giữa Sở Tài nguyên Môi trường với cơ quan Thuế trong giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đất đai” của – Sở Thông tin và Truyền thông đã được Bộ Nội vụ đánh giá cao.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Đầu mỗi kiểm soát TTHC tại các sở ban ngành và UBND các huyện, thành phố là cán bộ kiêm nhiệm, phụ trách nhiều mảng công việc khác nhau, thường xuyên thay đổi do tính chất công việc của từng đơn vị, mặt khác chức năng, nhiệm vụ chuyển giao từ đơn vị này sang đơn vị khác làm thay đổi cả hệ thống đầu mối kiểm soát TTHC (đây là những cán bộ đã được tập huấn và có kinh nghiệm) làm gián đoạn, gây khó khăn cho việc hoạt động triển khai kiểm soát TTHC đặc biệt là cấp huyện, cấp xã.

Các văn bản pháp luật thay đổi liên tục, nội dung văn bản còn chồng chéo nên TTHC nhanh chóng phải công bố mới, sửa đổi, bãi bỏ.

TTHC trên một số lĩnh vực còn rườm rà, phức tạp; nhiều Bộ, ngành chậm công bố và chậm nhập TTHC đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia dẫn đến địa phương không công bố được danh mục TTHC hoặc không thể công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

TTHC nhiều Bộ, ngành công bố không đủ bộ phận cấu thành, công bố thủ tục thuộc nội bộ cơ quan nhà nước không đúng với quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ gây khó khăn trong việc triển khai.

Việc rà soát đơn giản TTHC của nhiều đơn vị còn hình thức, chủ yếu kiến nghị giảm thời gian giải quyết, chưa đầu tư thời gian, tâm huyết trong việc kiến nghị đơn giản hóa các thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện, mẫu đơn, mẫu tờ khai, yêu cầu điều kiện... dẫn đến việc kiến nghị đơn giản hóa TTHC chưa thực chất.

Việc triển khai các sáng kiến, đặc biệt là sáng kiến trong lĩnh vực cải cách hành chính mặc dù được các cấp chính quyền quan tâm, phát động, tuy nhiên số lượng sáng kiến liên quan đến lĩnh vực cải cách hành chính gửi về Sở Khoa học và Công nghệ yêu cầu đề nghị xét, đánh giá, công nhận sáng kiến cấp tỉnh còn hạn chế.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được (chi tiết tại Phụ lục 4)

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy

Tỉnh Nam Định thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng của các đơn vị sự nghiệp công lập của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII); Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14, ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021; Nghị quyết số 32/NQ-CP, ngày 14/5/2019 của Chính Phủ ban hành Kế hoạch thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 – 2021

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt nội dung các Nghị quyết 18, 19 của Trung ương tới cán bộ chủ chốt trong toàn tỉnh; đồng thời chỉ đạo cấp ủy các cấp, các cơ quan thông tin tuyên truyền, các cấp, các ngành

thực hiện việc quán triệt, tuyên truyền nội dung các Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trong tỉnh theo Kế hoạch thống nhất chung của Tỉnh ủy.

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện nghị quyết phù hợp với địa phương, cơ quan, đơn vị mình, tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết đến cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị.

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là sở): Giữ nguyên số lượng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính nhà nước khác thuộc UBND tỉnh: 19 đơn vị và Ban Quản lý dự án cấp tỉnh, 155 phòng, ban và tương đương. Dự kiến trong giai đoạn 2020-2021 tỉnh Nam Định không thực hiện sáp nhập các cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh.

+ Các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Thành lập Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định thuộc Văn phòng UBND tỉnh (giải thể Trung tâm thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư) và thành lập Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Nam Định.

+ Đã sắp xếp, sáp nhập 03 xã vào 03 đơn vị hành chính liên kề, giảm 03 đơn vị hành chính cấp xã.

+ Thực hiện thí điểm hợp nhất các đơn vị: Văn phòng Huyện ủy với Văn phòng UBND – HĐND tại 03 đơn vị huyện là: Nam Trực, Giao Thủy, Vụ Bản; Phòng Nội vụ với Ban Tổ chức huyện Vụ Bản (*giảm được 04 đầu mối đơn vị cấp phòng trong hệ thống chính trị cấp huyện*). Ngày 05/12/2018 Bộ Nội vụ ban hành công văn số 5954/BNV-TCBM về thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tạm dừng việc sắp xếp các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; Tỉnh Nam Định không thực hiện sáp nhập thêm đơn vị nào. Tại thời điểm ngày 30/4/2015: 120 phòng, sau khi hợp nhất còn 116 phòng (SL tính đến 29/02/2020).

+ Kết quả sắp xếp, tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập: Sau 02 năm triển khai và thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, tỉnh Nam Định đã thực hiện được 32 Đề án theo Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh, trong đó:

Số đầu mối các đơn vị sự nghiệp công lập giảm là 199 đơn vị vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đã đề ra (2 đơn vị); giảm số lượng số đầu mối cấp phòng, khoa trong đơn vị sự nghiệp là 101.

Số biên chế giảm do tổ chức lại, giải thể và chuyển sang đơn vị tự chủ đã giảm được là 312 biên chế.

+ Tình hình quản lý biên chế: Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao các năm: Năm 2015: Giao 2.314 biên chế; Năm 2017: Giao 2.248 biên chế; Năm 2020: Giao 2.055. Tại thời điểm 29/02/2020 là 1.842 người (*số biên chế công chức chưa sử dụng là 213 biên chế*).

Biên chế viên chức: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao các năm : Năm 2015: Giao 29.278 biên chế; Năm 2017: Giao 30.371 biên chế. Tại thời điểm 29/02/2020 là 24.925 người (*số biên chế viên chức chưa sử dụng là 2.314 biên chế*).

Hợp đồng lao động (HĐLĐ): Số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ) các năm: Năm 2015: 419 lao động; Năm 2017: 399 lao động (đơn vị hành chính là 129 lao động). Số hợp có mặt tại thời điểm 29/02/2020 là 380 người trong đó đơn vị hành chính là 129 lao động.

- Thực hiện tinh giản biên chế: Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, số lượng biên chế của Trung ương giao và được HĐND tỉnh phê duyệt, UBND tỉnh thực hiện phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị; trong đó đã thực hiện giảm biên chế công chức là 202 biên chế (*giảm 8.67%*), giảm biên chế sự nghiệp là 2.113 biên chế (*giảm 7.27%*); trong đó số biên chế các đơn vị sự nghiệp công lập giảm do tổ chức lại, chuyển sang tự chủ và giải thể là 312 biên chế.

Số cán bộ, công chức, viên chức đã hưởng chính sách tinh giản biên chế từ năm 2015 đến hết năm 2019 là 327 người, cụ thể:

- + Các cơ quan, tổ chức hành chính: 18 người.
- + Các đơn vị sự nghiệp công lập: 294 người.
- + Cán bộ, công chức cấp xã: 15 người.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của tỉnh:

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 về Quy chế làm việc của UBND tỉnh Khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016-2021. Các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh ; UBND các huyện, thành phố Nam Định căn cứ Quy chế này đã xây dựng Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị cho phù hợp và phổ biến rộng rãi đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan.

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương

- Chất lượng thành viên UBND các cấp chính quyền địa phương đã được nâng cao về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và trình độ quản lý nhà nước, độ tuổi cũng trẻ hơn so với những nhiệm kỳ trước; có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực công tác, đã từng là lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành (đối với cấp tỉnh, huyện), có kinh nghiệm thực tiễn trong chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - văn hoá, quốc phòng, an ninh ở địa phương.

Trong kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý của UBND các cấp đều xác định rõ mục tiêu, yêu cầu và nhiệm vụ công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, từng bước đưa pháp luật vào đời sống xã hội của các tầng lớp nhân dân ở địa phương; hiện tượng vi phạm pháp luật giảm xuống đáng kể.

Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp được thực hiện theo quy chế làm việc mẫu của UBND các cấp do Chính phủ ban hành, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật. Các chính sách, quyết định hành chính do

UBND các cấp đã ban hành trên các lĩnh vực của đời sống xã hội đảm bảo đúng thẩm quyền; đã giải quyết và đáp ứng kịp thời đòi hỏi thực tế ở địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

UBND các cấp với chức năng của mình đã bám sát sự chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, các Nghị quyết của Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh để cụ thể hoá thành các chương trình, kế hoạch, các giải pháp, biện pháp chỉ đạo điều hành quản lý các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

UBND các cấp tích cực đổi mới phương thức quản lý theo hướng thiết thực, hiệu quả, từng bước ứng dụng công nghệ tin học trong chỉ đạo, điều hành: Hình thức hội nghị trực tuyến đã góp phần tiết kiệm thời gian, giảm kinh phí đi lại, hội họp; cập nhật thường xuyên, kịp thời trên công thông tin điện tử của tỉnh các loại văn bản như Quy phạm pháp luật, các thông báo kết luận, chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp, lịch công tác của lãnh đạo UBND các cấp, bộ thủ tục cải cách hành chính... góp phần nâng cao năng lực, chất lượng chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND các cấp.

c) Về phân cấp quản lý.

- Việc đề xuất đẩy mạnh phân cấp đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương, thực hiện các quy định phân cấp tại địa phương.

Tỉnh Nam Định đẩy mạnh việc phân cấp QLNN theo nghị quyết số 21/NQ-CP CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tạo sự chủ động cho đơn vị, địa phương trong giải quyết công việc. UBND tỉnh ban hành và triển khai các văn bản phân cấp quản lý cho các cơ quan đơn vị theo các lĩnh vực: Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất; Quyết định 1728/QĐ-UBND ngày 2/10/2014 của UBND tỉnh về phân cấp quyết định đầu tư; Quyết định 2136/QĐ-STNMT ngày 26/8/2016 của Sở Tài nguyên Môi trường về ủy quyền của UBND cấp huyện ký cấp đổi GCNQSD đất nông nghiệp do thực hiện dồn điền đổi thửa; Quyết định 1193/QĐ-UBND ngày 7/6/2019 về phân bổ vốn đầu tư phát triển chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2019; Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 Ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên mầm non hợp đồng, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức danh, chức vụ trong doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước thuộc tỉnh Nam Định

- Định kỳ hàng năm, tỉnh thành lập các đoàn công tác để kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh đã phân cấp cho cơ quan hành chính cấp dưới.

- Các vấn đề về phân cấp phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

d) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc sở, ngành, địa phương.

Hàng năm, các sở, ban, ngành, địa phương đều xây dựng kế hoạch, thành lập các đoàn kiểm tra chuyên ngành hoặc thanh tra liên ngành để kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, kịp thời phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý các sai phạm. Đảm bảo các kế hoạch thanh kiểm tra không chồng chéo về đối tượng, trung lập về nội dung, đảm bảo hiệu quả và chất lượng thanh kiểm tra. Lĩnh vực nội vụ, từ năm 2015 đến 2019 có tổng cộng 25 cuộc thanh tra công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các đơn vị.

đ) Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

Tổ chức lại và chuyển sang cơ chế tự chủ kinh phí chi thường xuyên đối với: 15 đơn vị (Trung tâm khuyến nông thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Dịch vụ đầu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp, Phòng Công chứng số 1 trực thuộc Sở Tư pháp, Trung tâm Kỹ thuật công nghệ địa chính trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông thuộc Sở Thông tin và truyền thông, Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải thuộc Sở Giao thông Vận tải, Sở Y tế đã thực hiện được 02 đề án Bệnh viện đa khoa Hải Hậu; Bệnh viện Nhi Nam Định, Viện quy hoạch xây dựng thuộc Sở Xây dựng, Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây, Thành lập Ban Quản lý Chợ thành phố Nam Định trên cơ sở tổ chức lại Công ty kinh doanh dịch vụ và quản lý Chợ, Trung tâm phát triển cụm công nghiệp Thành phố Nam Định, Ban quản lý đền Trần chùa Tháp)

Việc mở rộng trao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập đã góp phần nâng cao số lượng và chất lượng dịch vụ công; tạo điều kiện cho người dân có thêm cơ hội lựa chọn, tiếp cận các dịch vụ công với chất lượng ngày càng cao, góp phần cải thiện thu nhập của người lao động tại các đơn vị sự nghiệp.

Các đơn vị khi được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính đã chủ động sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN) giao hiệu quả hơn để thực hiện nhiệm vụ; đồng thời, chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo điều kiện tăng nguồn thu

e) Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 858/NQ-UBTVQH14, ngày 10/01/2020 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nam Định cụ thể:

- Sáp nhập xã Hải Toàn vào xã Hải An, huyện Hải Hậu thành 01 xã lấy tên gọi là xã Hải An;

- Sáp nhập xã Nghĩa Phúc và xã Nghĩa Thắng, huyện Nghĩa Hưng thành 01 xã lấy tên gọi là xã Phúc Thắng;

- Sáp nhập xã Yên Xá vào Thị trấn Lâm, huyện Ý Yên thành 01 đơn vị hành chính lấy tên gọi là Thị trấn Lâm;

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

- Việc triển khai thực hiện các Đề án theo Nghị quyết 18, 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII gặp nhiều khó khăn do chưa có các văn bản pháp luật cụ thể để tổ chức thực hiện như sắp xếp các cơ quan hành chính trong khi chưa

sửa đổi các quy định về các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; việc hợp nhất cơ quan hành chính nhà nước với cơ quan của Đảng nhưng lại thiếu văn bản hướng dẫn về tổ chức, biên chế, cơ chế hoạt động vận hành; tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ kinh phí chi thường xuyên, chi đầu tư khi chưa sửa đổi các văn bản pháp luật quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập về tổ chức bộ máy, biên chế...v,v.

- Trung ương chưa có chính sách giải quyết chế độ cụ thể đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư sau sắp xếp nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng của cán bộ, công chức, dẫn tới, một bộ phận chưa yên tâm công tác, ảnh hưởng trực tiếp tới việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Khi sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan hành chính liên quan trực tiếp tới quyền lợi của rất nhiều người; trong khi chế độ chính sách giải quyết những phát sinh chưa kịp thời, chưa thật thỏa đáng, ảnh hưởng nhiều tới tâm tư, tình cảm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người dân. Chính những điều này cũng tác động khó khăn cho quá trình tổ chức thực hiện.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được (chi tiết tại Phụ lục 5)

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức.

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm : Tỉnh Nam Định đã hoàn thành việc xây dựng đề án vị trí việc làm và bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp. Bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm và ngạch công chức tương ứng , bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.

- Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

+ Công tác tuyển dụng: Tỉnh Nam Định đang thực hiện phân cấp trong tuyển dụng và quản lý CB, CC, VC: UBND tỉnh tổ chức tuyển dụng công chức, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức tuyển dụng viên chức thuộc thẩm quyền quản lý. Công chức, viên chức được tuyển dụng qua 2 hình thức: thi tuyển, xét tuyển và tuyển đặc biệt không qua thi tuyển. Việc tuyển dụng được thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và văn bản hướng dẫn, đáp ứng yêu cầu của Tỉnh về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh công bằng.

Về điểm mới nhất hiện nay của tỉnh Nam Định trong công tác tuyển dụng là đưa việc tiếp nhận đăng ký dự tuyển ra Trung tâm Hành chính công của tỉnh; về phía cá nhân người dự tuyển chỉ lập 01 Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và nộp về Trung tâm Hành chính công của tỉnh hoặc nộp qua bưu điện (thay cho trước đây phải lập 1 bộ hồ sơ và phải nộp trực tiếp). Mục tiêu của đổi mới nhằm đảm bảo triệt để nguyên tắc “Công khai, minh bạch, công bằng, khách quan” ngay từ khâu đầu tiên trong công tác tuyển dụng và góp phần giúp người dự tuyển tiết kiệm thời gian, công sức.

+ Chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính; Tỉnh cũng có cơ chế tuyển dụng những trường hợp tài năng vào các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh. Năm 2017 đã tuyển 1 trường hợp vận động viên có thành tích cao vào làm huấn luyện viên tại đơn vị sự nghiệp thể thao. Năm 2020, tỉnh đang tiếp tục xem xét để tuyển dụng 2 vận động viên đạt thành tích cao theo Luật Viên chức và Nghị định 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao.

+ Đổi mới công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức:

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Công văn số 4393/BNV-CCVC ngày 17/10/2014 của Bộ Nội vụ về việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức năm 2014; Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức, Sở Nội vụ đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện đánh giá, phân loại CBCCVC thuộc thẩm quyền đơn vị quản lý; đồng thời giúp UBND tỉnh tổng hợp kết quả báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

Đối với cán bộ, công chức cấp xã, Sở Nội vụ đã ban hành văn bản số 1632/SNV-XDCQ ngày 12/12/2013 về việc hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ, công chức cấp xã.

Nhìn chung, công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo đúng phân cấp, đảm bảo đúng quy trình, hướng dẫn của cấp trên; đã căn cứ kết quả kiểm điểm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể để nhận xét, đánh giá; đã gắn việc đánh giá, phân loại với việc bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

+ Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức:

Về nâng ngạch công chức: đối với ngạch chuyên viên chính và tương đương, căn cứ vào chỉ tiêu được Bộ Nội vụ phân bổ, UBND tỉnh đã cử công chức thi, việc thẩm định hồ sơ, điều kiện đều đảm bảo quy định và hướng dẫn của Bộ Nội vụ; năm 2018, tổ chức 01 kỳ thi cho 75 hồ sơ đủ điều kiện (đạt 60 người), năm 2019 tổ chức 01 kỳ thi cho 73 hồ sơ đủ điều kiện (đạt 62 người)

Đối với ngạch cán sự lên chuyên viên và tương đương, năm 2013 tổ chức 01 kỳ thi cho 42 hồ sơ đủ điều kiện (đạt 40 người), năm 2018 tổ chức 01 kỳ thi cho 74 hồ sơ đủ (đạt 61 người), năm 2019 tổ chức 1 kỳ thi cho 35 người (đạt 32 người).

Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho giáo viên các trường THPT và Giáo viên Mầm non, Tiểu học và THCS đối với các huyện, thành phố và thi xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp ngành văn hóa.

- Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Lãnh đạo ở nhiều Sở, ngành, địa phương đã nhận thức tốt hơn về vai trò của công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, từng bước thực hiện tiêu chuẩn hoá đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng đã có những đổi mới phù hợp hơn với tình hình thực tiễn theo hướng chú trọng vào trang bị các kỹ năng thực hành công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được sửa chữa, nâng cấp và trang bị thêm các phương tiện phục vụ việc học tập và giảng dạy. Tính quy hoạch trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được nâng cao và đi vào nề nếp, chương trình đào tạo được thường xuyên cải tiến, nội dung đào tạo, bồi dưỡng về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của người học.

Nguồn kinh phí được bố trí và giao cho các đơn vị để chủ động thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: tỉnh Nam Định đang triển khai phần mềm quản lý cán bộ, CC, VC trên toàn tỉnh.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Để nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, toàn tỉnh đã tiến hành các cuộc thanh tra, kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, kịp thời phát hiện, xử lý, khắc phục hạn chế, yếu kém hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các sai phạm.

Xử lý kỷ luật nghiêm minh đối với những trường hợp vi phạm kỷ luật, không nỗ lực, không có trường hợp ngoại lệ từ khiên khách, đên buộc thôi việc, truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Về công chức cấp xã

- Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã cơ bản đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu giữa các độ tuổi và có tính kế thừa; đa số cán bộ, công chức cấp xã được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn, có bản lĩnh chính trị vững vàng, gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của nhà nước, có ý thức tổ chức kỷ luật, gắn bó mật thiết với nhân dân, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Cán bộ, công chức cấp xã luôn có trách nhiệm, khắc phục khó khăn, nỗ lực rèn luyện phấn đấu trong công tác và học tập, hăng hái đóng góp tích cực vào sự phát triển của địa phương. Thái độ giao tiếp của đa số cán bộ, công chức thực thi nhiệm vụ ở cấp xã đối với các tổ chức, công dân đến liên hệ công việc đã có chuyển biến rõ rệt, tận tình, trực tiếp chăm lo đời sống vật chất và tinh thần đối với nhân dân ở cơ sở.

- Tổng số cán bộ, công chức cấp xã tại thời điểm 31/12/2019 là 4.576. Trong đó: Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp: 3.993 người (87,25%); Cao cấp: 89 người (1,95%). Trình độ chuyên môn: Trung cấp: 1.621 người (35,43%); Cao đẳng: 170 người (3,7%) ; Đại học: 2.700 người (59%)

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Chất lượng đầu vào của cán bộ, công chức, viên chức còn phụ thuộc nhiều vào năng lực của cơ quan tổ chức tuyển dụng, chưa có bộ đề chung hoặc quy định khung.

- Chưa xây dựng được quy hoạch dài hạn đối với đội ngũ cán bộ xã, phường, thị trấn; nguồn quy hoạch hạn chế về số lượng và chất lượng nên một số đơn vị khi biến động cán bộ, công chức thì gặp khó khăn về nguồn để thay thế.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được (chi tiết tại Phụ lục 6)

a) Thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước

- Thực hiện Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 tỉnh Nam Định đã thực hiện cổ phần hóa xong công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Nam Định. Công ty đã chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/01/2018. Tại văn bản số 704/TTg-ĐMDN ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc nhất trí với phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới 02 công ty nông nghiệp thuộc UBND tỉnh Nam Định gồm công ty TNHH MTV nông nghiệp Rạng Đông và Công ty TNHH MTV nông nghiệp Bạch Long. Hiện nay, 02 công ty này đã thực hiện xong công việc đo đạc, cắm mốc giới, lập bản đồ địa chính. Ủy ban nhân dân tỉnh đang chỉ đạo triển khai các bước tiếp theo để thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp, đổi mới 02 công ty trên.

- Tình hình thực hiện thoái vốn: Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước được tiến hành thoái vốn phê duyệt tại Quyết định 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Nam Định có 02 công ty là Công ty Cổ phần môi trường Nam Định và Công ty Cổ phần Công trình đô thị Nam Định. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Môi trường Nam Định chưa đủ cơ sở phê duyệt giá khởi điểm khi thoái vốn Nhà nước nên việc thoái vốn của Công ty này chưa thực hiện được theo kế hoạch. Đối với Công ty cổ phần Công trình đô thị Nam Định đang tiến hành các thủ tục để thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định.

Đối với công ty cổ phần cấp nước Nam Định, ngày 23/7/2019 UBND tỉnh Nam Định đã có văn bản số 183/BC-UBND về việc báo cáo thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó UBND tỉnh Nam Định đã đề nghị các Bộ, ban ngành Trung ương và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung danh mục doanh nghiệp thực hiện thoái vốn giai đoạn 2016-2020 tại Công ty cổ phần cấp nước Nam Định.

b) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính

- Công tác chỉ đạo triển khai cơ chế mới : Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính và các ngành, các cấp triển khai hướng dẫn thực hiện kịp thời:

+ Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

+ Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính.

+ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

- Đánh giá cụ thể tình hình sử dụng lao động, tình hình sử dụng kinh phí:

+ Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ trong năm 2015 là 248 đơn vị, năm 2016 là 248 đơn vị, năm 2017 là 248 đơn vị, năm 2018 là 207 đơn vị, năm 2019 là 237 đơn vị, năm 2020 (tính đến 31/3) là 237 đơn vị.

+ Kinh phí tiết kiệm được do thực hiện tự chủ : Năm 2015 là 13.078 triệu đồng; năm 2016 là 9.589 triệu đồng; năm 2017 là 9.589 triệu đồng; năm 2018 là 20.848 triệu đồng; năm 2019 là 19.845 triệu đồng.

+ Trong quá trình thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP, các cơ quan được giao thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên địa bàn tỉnh đã triển khai nhiều biện pháp để thực hành tiết kiệm chống lãng phí và sử dụng kinh phí giao đúng mục đích, có hiệu quả như : ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công. Việc thực hiện quy trình hành chính công một cửa ngày càng được nâng cao, rút ngắn thời gian giải quyết công việc, khẳng định việc giao cơ chế khoán cho các cơ quan nhà nước là đúng đắn. Các đơn vị quản lý hành chính chủ động trong công tác chi tiêu hành chính, thực hiện điều hành kinh phí được giao theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nguồn kinh phí tiết kiệm được từ kinh phí quản lý hành chính được các đơn vị sử dụng chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức thông qua tiền lương và thành tích thưởng cuối năm.

c) Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Công tác chỉ đạo triển khai cơ chế mới : Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính và các ngành, các cấp triển khai hướng dẫn thực hiện kịp thời :

+ Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

+ Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

+ UBND tỉnh Nam Định ban hành Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 16/7/2018 thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đánh giá cụ thể tình hình sử dụng lao động, tình hình sử dụng kinh phí:

+ Trên địa bàn tỉnh Nam Định đã giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho 125/125 đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh, và 570/668 đơn vị sự nghiệp công lập khối huyện.

+ Kinh phí tiết kiệm được là : Năm 2015 là 153.337 triệu đồng ; năm 2016 là 173.942 triệu đồng ; năm 2017 là 1.127.811 triệu đồng ; năm 2018 là 349.952 triệu đồng ; năm 2019 là 227.149 triệu đồng.

+ Các đơn vị được giao quyền tự chủ đều đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ.

+ Các đơn vị đã thực hiện rà soát lại cán bộ, sắp xếp lại công việc cho phù hợp với khả năng cán bộ, viên chức và bố trí kiêm nhiệm để giảm nhẹ bộ máy, đồng thời đề nghị cho nghỉ chế độ hoặc thôi ký kết hợp đồng với những lao động sức khỏe không đảm bảo hoặc không hoàn thành nhiệm vụ.

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

a) Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính

- Là tỉnh có nguồn thu thấp, kinh phí của tỉnh đa phần do ngân sách Trung ương cấp. Định mức khoán chi tiêu theo biên chế được giao ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020 ở mức đảm bảo kinh phí hoạt động của đơn vị, hằng năm giá cả thị trường biến động, trượt giá và các định mức chi của nhà nước cũng thay đổi theo chiều hướng tăng lên nhưng kinh phí giao khoán biên chế chỉ đảm bảo chi cho mức lương tối thiểu tăng thêm. Kinh phí phục vụ để triển khai công tác chuyên môn, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Định mức khoán chi thấp chưa phù hợp với giá cả thị trường do đó ảnh hưởng đến việc tiết kiệm chi của đơn vị. Một số đơn vị có hệ số lương cao đơn vị có ít biên chế thì hiệu quả đạt được chưa cao, số kinh phí tiết kiệm chưa nhiều. Kinh phí tiết kiệm được đa phần do cơ quan có số lượng biên chế được giao lớn hoặc số có mặt ít hơn số biên chế được giao. Các cơ quan hành chính, đa phần không có nguồn thu khác, chỉ một số ít cơ quan có nguồn thu từ phí, lệ phí mới có khả năng tiết kiệm được một phần chi phí hành chính để tăng thêm thu nhập cho cán bộ nhân viên, do đó nguồn thu của từng đơn vị không đồng đều, dẫn tới tình trạng mất cân bằng thu nhập giữa các cán bộ công chức trên toàn tỉnh.

- Nhận thức về mục tiêu và yêu cầu khoán biên chế và kinh phí của nhiều cơ quan đơn vị mới chỉ dừng lại ở việc khoán chi hành chính là việc tiết kiệm chi để tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công chức mà chưa chú trọng đến các yêu cầu đổi mới trong cơ chế quản lý, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sắp xếp bộ máy, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nâng cao hiệu quả quản lý hành chính cũng như quản lý chi ngân sách.

- Chú trọng công tác tiết kiệm trong chi nhiệm vụ để tạo nguồn tiết kiệm chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức mà quên đi phải đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc cho cán bộ, công chức phục vụ công tác chuyên môn.

b) Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Việc xây dựng văn bản hướng dẫn Nghị định 16/2015/NĐ-CP còn chậm:

Theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ban hành các nội dung có tính chất quy định khung, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trình Chính phủ ban hành 07 Nghị định của 07 lĩnh vực. Tuy nhiên, do đặc thù của lĩnh vực giáo dục đào tạo và trên cơ sở đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chính phủ đã đồng ý tách thành 02 Nghị định (giáo dục đại học và giáo dục phổ thông và giáo dục khác). Đến nay, trong 08 Nghị định cần được ban hành để cụ thể hóa các quy định của Nghị định 16/2015/NĐ-CP đối với từng lĩnh vực sự nghiệp thì Chính phủ đã ban hành được 02 Nghị định (Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016).

- Hiện nay cơ chế phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí Ngân sách nhà nước cho cung cấp dịch vụ công về cơ bản vẫn thực hiện theo yếu tố đầu vào, theo chức năng, nhiệm vụ, theo mức độ phân loại tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập ổn định 03 năm, chưa gắn việc giao dự toán với số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công.

- Về thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cung ứng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công còn một số hạn chế:

Số lượng danh mục sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN áp dụng các phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu còn hạn chế và chưa được quy định cụ thể, rõ ràng.

Các định mức kinh tế - kỹ thuật còn thiếu, gây khó khăn trong việc xác định đơn giá cũng như triển khai trong phân bổ ngân sách nhà nước theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu gắn với số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công.

- Việc triển khai còn chậm chưa đạt tiến độ và lộ trình đặt ra, trong đó việc xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công cũng như cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ, hiệu quả hoạt động của ĐVSN công.

Nguyên nhân là do Nghị định 16/2015/NĐ-CP là Nghị định khung, chỉ đưa ra những quy định chung làm căn cứ để xây dựng, ban hành các quy định chuyên ngành cho phù hợp với đặc thù hoạt động của từng lĩnh vực, bởi vậy, việc triển khai xây dựng quy định cơ chế tự chủ đối với từng lĩnh vực gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, các ĐVSN chưa sẵn sàng cho việc thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công với yêu cầu tính đủ chi phí trong giá.

- ĐVSN thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ đòi hỏi phải cung cấp được dịch vụ với yêu cầu cao hơn về chất lượng để đáp ứng được nhu cầu của xã hội và có thể cạnh tranh với các đơn vị cung ứng dịch vụ ngoài công lập nhưng điều kiện cơ sở vật chất, chưa đáp ứng được quy định về tiêu chuẩn định mức kinh tế, kỹ thuật... Điều này đòi hỏi các ĐVSN phải tăng cường đầu tư, đồng thời có chính sách ưu đãi thu hút nhân tài nhưng đây là bài toán khó vì các ĐVSN chưa được tự chủ toàn diện.

- Về cơ chế giá dịch vụ, khi thực hiện chuyển dần từ cơ chế thu phí, học phí... sang áp dụng cơ chế giá dịch vụ đòi hỏi phải xây dựng, hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong từng ngành, lĩnh vực làm cơ sở cho việc xác định giá dịch vụ sự nghiệp công. Vấn đề kết cấu lương vào giá cũng đòi hỏi phải có hướng dẫn cụ thể hơn, đặc biệt trong trường hợp xác định giá dịch vụ công dựa trên mức lương cơ sở, hệ số tiền lương, ngạch bậc, chức vụ đối với ĐVSN công và định mức lao động theo quy định. Hiện nay, việc tính định mức cho từng lĩnh vực khó xác định mức chung cho toàn ngành, hơn nữa việc xác định giá theo định mức chuẩn hay định thực tế vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể.

- Việc giao tài sản cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn như doanh nghiệp còn chậm. Hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chưa tạo chủ động cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Việc sử dụng tài sản công còn phân tán, có nơi lãng phí, hiệu suất thấp và chưa được khai thác hiệu quả, đặc biệt là nhà đất.

- Chưa xây dựng được tiêu chuẩn dịch vụ và các tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công để kiểm định chất lượng cung ứng dịch vụ làm cơ sở cấp kinh

phí hoạt động cho đơn vị sự nghiệp công lập và sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động kém hiệu quả.

- Về cơ chế tiền lương và thu nhập tăng thêm. Theo quy định, giá dịch vụ phải tính đúng, tính đủ các chi phí nhưng các ĐVSN vẫn phải dành một tỷ lệ % đáng kể số thu để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương do vậy sẽ ảnh hưởng tới nguồn để chi trả thu nhập tăng thêm.

-Việc tự chủ tài chính đối với các ĐVSN hiện nay, Nhà nước vẫn chưa có cơ chế hỗ trợ cụ thể được vay vốn ưu đãi (hoặc hỗ trợ lãi suất) để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học, chưa có quy định về điều kiện liên doanh, liên kết của ĐVSN và về xác định giá trị thương hiệu khi góp vốn liên doanh, liên kết.

- Thực chất quyền tự chủ về thu, chi của một số đơn vị còn mang tính hình thức chưa đi vào thực tế; tính xã hội hóa của một số đơn vị dịch vụ còn bị khống chế bởi chính sách chung. Công tác khoán kinh phí vẫn mang tính bình quân, kinh phí giao còn hạn hẹp chưa đi vào chi tiết cụ thể từng lĩnh vực, ngành nghề.

6. Về hiện đại hóa hành chính

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được (chi tiết tại Phụ lục 7).

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin.

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN giai đoạn 2016-2020; thực hiện hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 24/10/2016 về ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm của tỉnh. Các nội dung trong Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm và kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 được các cơ quan trên địa bàn tỉnh nghiêm túc thực hiện, cơ bản hoàn thành tốt các tiêu chí đề ra.

Đến nay tình hình ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền điện tử tại tỉnh ta đã có những chuyển biến tích cực, nhất là trong hoạt động cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp, số lượng DVC trực tuyến tăng, việc duy trì cung cấp DVC trực tuyến, xử lý hồ sơ qua mạng tại một số sở, ban, ngành, địa phương ổn định đã thu hút được sự tham gia của người dân, doanh nghiệp; số dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ trên mạng ngày càng tăng cao.

b) Kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin.

- Về hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý, dữ liệu chuyên ngành, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh...

+ Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước đang từng bước được nâng cao, đáp ứng các nhu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước của các cơ quan, địa phương. Sở TT&TT đã tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 phê duyệt kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Nam Định phiên bản 1.0 và triển khai các dự án phát triển hạ tầng

khung chính quyền điện tử của tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 phê duyệt điều chỉnh Dự án phát triển hạ tầng khung chính quyền điện tử tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020, trong đó việc xây nền tảng LGSP của tỉnh Nam Định là một trong những nhiệm vụ ưu tiên bổ sung đầu tư trong giai đoạn 2019-2020. Hiện nay, tỉnh Nam Định đã hoàn thành việc kết nối Trục liên thông của tỉnh vào trục liên thông văn bản Chính phủ theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 2887/VPCP-KSTT ngày 09/4/2019 đảm bảo việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số trên Trục liên thông văn bản quốc gia theo yêu cầu. Tỉnh đang tiếp tục hoàn thiện Trục liên thông của tỉnh và nâng cấp hệ thống quản lý văn bản và điều hành đảm bảo các yêu cầu theo đúng Quyết định 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành quan trọng do Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và tỉnh xây dựng được các cơ quan trong tỉnh triển khai có hiệu quả như: Cơ sở dữ liệu Quản lý dân cư; Quản lý doanh nghiệp; Quản lý đất đai; Quản lý y tế; Quản lý Khoa học và Công nghệ; Quản lý hộ tịch; Cấp đổi giấy phép lái xe; Quản lý số liệu về cơ sở hạ tầng giao thông; Quản lý Khoa học và Công nghệ; Quản lý dự án đầu tư; Quản lý tài chính, thuế, hải quan, kho bạc; Quản lý bảo hiểm,... Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên địa bàn tỉnh như: Cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ công chức; Cơ sở dữ liệu quản lý giống cây trồng, Cơ sở dữ liệu báo cáo thống kê ngành thông tin và truyền thông; Cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội tích hợp trong Hệ thống báo cáo của tỉnh; cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa, thông tin; Tạo lập, chuyển đổi cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa, thông tin thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và Chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến; phần mềm quản lý văn bản và điều hành; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia và các cơ sở dữ liệu để phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu người dân và doanh nghiệp.

+ Về nguồn nhân lực CNTT: Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Nam Định được thành lập theo Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND tỉnh Nam Định và được kiện toàn mới theo Quyết định số 2160/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND tỉnh gồm 15 thành viên. 100% các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện đã bố trí phân công cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, có 03 sở có phòng, đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin là Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh:

+ Triển khai, xây dựng hệ thống quản lý, theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đối các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố phục vụ công tác theo dõi quá trình xử lý công việc được giao, từ đó có các biện pháp đôn đốc, nhắc việc trên hệ thống phần mềm hoặc thông báo nhắc việc qua hệ thống SMS.

+ Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: Đến nay, 100% các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và 229 xã, phường, thị trấn đã sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành trong điều hành, giải quyết công việc và được kết nối liên thông qua Trục liên thông văn bản của tỉnh, đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến 100% đơn vị cấp huyện, cấp xã. Trên 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan

hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử; các hệ thống quản lý văn bản và điều hành được kết nối thông suốt và liên thông tới Trục liên thông văn bản quốc gia.

+ Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh: Đến nay, 100% các cơ quan nhà nước của tỉnh và 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã đã được cấp thư điện tử công vụ để phục vụ việc trao đổi thông tin trong giải quyết công việc.

+ Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh được triển khai hiệu quả đến cấp xã đảm bảo chất lượng phục vụ các cuộc họp trực tuyến trên toàn tỉnh, đặc biệt phục vụ các địa phương tổ chức các cuộc họp trực tuyến với các xã.

+ Ứng dụng chữ ký số: Triển khai thực hiện Quyết định số 28/2018/QĐ-TTG ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Nam Định đã ban hành Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 21/8/2018 để tổ chức triển khai thực hiện. Đến nay tỉnh Nam Định đã cấp, bàn giao, hướng dẫn sử dụng chữ ký số cho 415 tổ chức, 1.112 cá nhân thuộc UBND tỉnh, các sở, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn. Theo số liệu thống kê bình quân hàng tháng có gần 4.000 văn bản sử dụng chữ ký số được xử lý trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành.

- Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; triển khai các hệ thống một cửa điện tử:

Cổng Cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Nam Định đã được xây dựng và cung cấp cho người dân, doanh nghiệp tại địa chỉ dichvucong.namdinh.gov.vn, đáp ứng chức năng, yêu cầu kỹ thuật và cung cấp đầy đủ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 theo danh mục đã được phê duyệt. Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Nam Định là một trong 8 địa phương đầu tiên của cả nước hoàn thành việc kết nối với Cổng cung cấp dịch vụ công Quốc gia. Đến nay, 100% các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố đã thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC trên Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, với tổng số TTHC được cung cấp ở mức độ 3, mức độ 4 là 720/1.716 TTHC, đạt tỷ lệ 42% (Trong đó: cấp Sở là 616 dịch vụ, cấp huyện là 98 dịch vụ và cấp xã là 6 dịch vụ). Trên 50% số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đã phát sinh hồ sơ. Đến nay đã có trên 839.000 lượt người truy cập vào Cổng, trong đó đã tiếp nhận hơn 60.000 hồ sơ trực tuyến mỗi năm (trong đó có hơn 12.000 hồ sơ được giải quyết trực tuyến ở mức độ 3, 4), bình quân hàng tháng đã tiếp nhận và giải quyết hơn 6.000 hồ sơ TTHC, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn hàng năm đều đạt trên 98%. Hiện đã có 203 TTHC của tỉnh thuộc 5 lĩnh vực tư pháp, hộ tịch, bưu chính, đường bộ, xúc tiến thương mại được tích hợp trên cổng DVC Quốc gia. Mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ được công khai trên Cổng dịch vụ công của tỉnh.

- Một cửa điện tử: Hiện nay, 100% các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh có thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP. Ngoài ra, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 thành lập Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Nam Định nhằm triển khai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC được tập trung tại một đầu mối, qua đó nâng cao được chất lượng giải quyết TTHC và tăng cường được việc quản lý, theo dõi, giám sát việc thực hiện giải quyết TTHC của công chức một cửa.

Hệ thống một cửa điện tử được tích hợp trong Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đã kết nối liên thông tới 100% các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và 229 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Trên 90% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử.

c) Tình hình triển khai hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001: 2015 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tham mưu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì, tổ chức triển khai nhiệm vụ xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 (HTQLCL ISO) vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức tại tỉnh.

Tính đến tháng 02/2020, toàn tỉnh hiện có 103 cơ quan hành chính nhà nước xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL ISO, gồm:

- + 43 cơ quan hành chính nhà nước, thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng.
- + 60 xã/phường/thị trấn, thuộc đối tượng khuyến khích áp dụng.

Số các cơ quan, đơn vị xây dựng HTQLCL ISO từ năm 2008 đến nay:

TT	Năm các đơn vị xây dựng và áp dụng	Số lượng
1	2008	16
2	2009	07
3	2010	06
4	2011	02
5	2012	07
6	2013	06
7	2015	02
8	2016	05
9	2017	05
10	2018	07
11	2019	40

Định kỳ hàng năm, Sở KH&CN phối hợp cơ quan chuyên môn có nghiệp vụ tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho cán bộ công chức của các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh về HTQLCL ISO với các nội dung: đào tạo tập huấn nâng cao nhận thức về HTQLCL; đào tạo tập huấn chuyên gia đánh giá nội bộ hệ thống; đào tạo tập huấn chuyển đổi phiên bản ISO và đào tạo vận hành HTQLCL ISO. Sở KH&CN cùng với Sở Nội vụ, Sở Tư pháp đã cử nhiều lượt cán bộ công chức của Sở, tham gia các khóa đào tạo chuyên gia tư vấn và đánh giá HTQLCL ISO tại Tổng cục TCDLCL. Đây là lực lượng nòng cốt tham gia hỗ trợ các cơ quan hành chính của tỉnh trong việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL ISO.

Hàng năm UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh định kỳ vào tháng 10-12 hàng năm. Kết quả kiểm tra đã cho thấy

việc áp dụng và vận hành hệ thống quản lý chất lượng ngày càng có hiệu lực và hiệu quả; góp phần nâng cao hiệu quả của việc cải cách hành chính của tỉnh.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Văn bản quy phạm pháp luật thay đổi thường xuyên; công tác công bố, sửa đổi và bổ sung bộ TTHC diễn ra nhiều lần trong năm; cơ quan có sự thay đổi liên tục về phân công nhân sự và tổ chức. Do đó việc đảm bảo cho việc áp dụng, cập nhật kịp thời sự thay đổi của văn bản QPPL vào HTQLCL là một thách thức không nhỏ đối với các cơ quan có nhiều TTHC.

Vẫn còn một số cơ quan chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu của tiêu chuẩn, các hoạt động phổ biến, đào tạo, nâng cao nhận thức, cập nhật kiến thức chưa được thực hiện làm giảm hiệu quả áp dụng HTQLCL ISO.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

UBND tỉnh, lãnh đạo các ngành, các cấp đã xác định CCHC là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, là giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, nên đã quan tâm, quyết liệt trong công tác chỉ đạo điều hành. Công tác CCHC được triển khai đồng bộ, đảm bảo tính thống nhất theo kế hoạch đặt ra hàng năm trên tất cả các lĩnh vực. Chỉ số CCHC tỉnh năm 2019 của tỉnh đã tăng lên 1 bậc, nhiều chỉ số thành phần tăng mạnh về điểm và thứ hạng như công tác chỉ đạo điều hành, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ CB, CC, VC.

Chất lượng xây dựng văn bản QPPL nâng cao, đảm bảo đúng quy định về trình tự, thể thức; nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, dễ triển khai áp dụng và đúng chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước; thực tiễn của địa phương.

Nghiêm túc thực hiện công tác kiểm soát TTHC, Trung tâm phục vụ HCC tỉnh và bộ phận một cửa các cấp đi vào hoạt động có nề nếp, giải quyết 100% TTHC theo quy định, hạn chế tối đa việc gây sách nhiễu, phiền hà cho người dân và tổ chức đến giao dịch.

Tỉnh đã triển khai việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị có hiệu quả, tập trung thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2017 của Hội nghị lần 6 BCH TW Đảng khóa 12. 100% số CQCM cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện được quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức đúng quy định. Đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng của các đơn vị sự nghiệp công lập, triển khai các Đề án sáp nhập đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình, năm 2019 so với năm 2015, tỉnh đã giảm được 199 ĐVSNCL (15,4%)

Cải cách tài chính công đã đạt được kết quả tích cực, công tác quản lý tài chính, ngân sách đã có chuyển biến rõ nét, quy chế chi tiêu nội bộ được giám sát góp phần hạn chế lãng phí, thực hiện tốt cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện thường xuyên đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác cải cách hành chính. Hạ tầng công nghệ thông tin từng bước được bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ triển khai Chính quyền điện tử. 100% các cơ

quan, đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh đã sử dụng hệ thống một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến để giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính giúp nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; quy trình, tiến độ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cũng được công khai, minh bạch trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công.

Việc áp dụng HTQLCL tại các đơn vị hành chính đã có nhiều chuyển biến. Đa số lãnh đạo Sở/Ngành thể hiện quyết tâm cao, tổ chức chỉ đạo tập trung, quyết liệt từ khâu lập kế hoạch đến triển khai thực hiện; tổ chức đánh giá nội bộ định kỳ nên kịp thời phát hiện các điểm không phù hợp để cải tiến hệ thống. Trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận được phân công rõ ràng, minh bạch, tránh được sự chồng chéo. Một số đơn vị thực hiện tốt việc tích hợp áp dụng ISO và hệ thống một cửa điện tử, do đó tiết kiệm được thời gian và giấy tờ, cũng như thực hiện các TTHC chặt chẽ góp phần cải cách TTHC.

(Chi tiết tại Phụ lục 8)

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Số lượng sáng kiến và giải pháp mới trong cải cách hành chính chưa nhiều, chưa có khả năng áp dụng trên diện rộng nên chưa tạo được sự đột phá trong công tác cải cách hành chính của tỉnh.

- Vẫn còn hồ sơ TTHC do một số cơ quan hành chính cấp tỉnh và UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm bị quá hạn do TTHC có thành phần hồ sơ phức tạp cần bổ sung nhiều hồ sơ hoặc mẫu thuẫn trong quy định về thời gian đối với TTHC liên thông giữa nhiều cơ quan,....

- Thực hiện giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI còn hạn chế, tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI thấp do khoảng cách địa lý trong tỉnh khá gần, nên người dân không có nhiều nhu cầu sử dụng dịch vụ này.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2020 – 2030

Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng nhiệm vụ của ngành, địa phương trong giai đoạn 2021 - 2030, các cơ quan, đơn vị đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm cần thiết mà tỉnh và các ngành, địa phương phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030, đề nghị tập trung vào những nội dung sau:

1. Về thể chế

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, góp ý, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật và xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo quy định của Nghị định 59/2012/NĐ-CP ngày 23/07/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành

pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/03/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, chú trọng thực hiện đầy đủ các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật, xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật thuộc tiêu chí chấm điểm chỉ số cải cách hành chính hằng năm

2. Về thủ tục hành chính

- Đẩy mạnh rà soát đơn giản hóa TTHC trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội đề kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương trong việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các TTHC, giảm chi phí tuân thủ không cần thiết tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC.

- Công bố kịp thời các TTHC (trong trường hợp được luật giao), danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết ngay sau khi Bộ, ngành công bố TTHC.

- Cập nhật, công khai TTHC kịp thời trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC, trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; niêm yết tại nơi giải quyết TTHC, Trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính để hỗ trợ việc nâng cao chất lượng giải quyết và giám sát việc thực hiện TTHC của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC.

- Triển khai kịp thời các Quyết định phê duyệt danh mục dịch vụ công tích hợp, cung cấp trên cổng dịch vụ công.

3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tiếp tục tăng cường công tác, thông tin tuyên truyền các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), trong đó có Nghị quyết số 18-NQ/TW, về sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng của các đơn vị sự nghiệp công lập tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết.

Các cấp ủy, lãnh đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị phải quyết liệt, chủ động trong việc nghiên cứu, tham mưu, xây dựng đề án và thực hiện đề án về sắp xếp tổ chức bộ máy và cán bộ ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

Tiếp tục tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công

- Quản lý biên chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

+ Tiếp tục thực hiện Kế hoạch tinh giản biên chế đến năm 2021 đã được UBND tỉnh phê duyệt, xây dựng kế hoạch biên chế của sở, ngành, UBND huyện, thành phố đến năm 2025 giảm 10% biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021; đến năm 2030 giảm 10% biên chế so với năm 2025.

+ Đẩy mạnh thí điểm việc thi tuyển và thực hiện thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Đề án thực hiện việc sắp xếp các cơ quan hành chính, thí điểm việc kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu hoặc hợp nhất một số cơ quan của cấp ủy và cơ quan chuyên môn của chính quyền theo chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ.

- Xây dựng đề án và khẩn trương triển khai sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và sáp nhập các thôn, tổ dân phố chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định. Chủ động xây dựng đề án, báo cáo cấp có thẩm quyền và thực hiện sáp nhập, tăng quy mô đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã ở những nơi có đủ điều kiện.

- Hoàn thiện cơ chế tài chính, cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Xây dựng Đề án khoán kinh phí hoạt động cho các đoàn thể cấp xã.

4. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Tiếp tục triển khai, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức của tỉnh giai đoạn 2020 - 2030.

Triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tuyển dụng, thi tuyển công chức, viên chức theo hình thức thi tuyển cạnh tranh đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng; thực hiện việc thi tuyển cạnh tranh các chức danh lãnh đạo quản lý từ cấp phòng trở lên tại các cơ quan, đơn vị để lựa chọn được đúng người có đủ năng lực, phẩm chất để tuyển dụng, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo.

Tăng cường thực hiện về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cho phù hợp với thực tiễn và các quy định hiện hành.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra công vụ; phân định rõ trách nhiệm cá nhân của từng cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm.

5. Về tài chính công

- Đến năm 2021:

+ Phân đầu giảm bình quân cả tỉnh 17,04% đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2015;

+ Phân đầu có 10% đơn vị tự chủ tài chính, giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2011-2015, hoàn thành cơ bản việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp có đủ điều kiện thành công ty cổ phần (trừ các bệnh viện, trường học), hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

- Đến năm 2025:

+ Tiếp tục giảm tối thiểu bình quân cả tỉnh 10% đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021; chấm dứt hợp đồng lao động không đúng quy định trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Phân đầu tối thiểu 20% đơn vị tự chủ tài chính; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện hoàn thành chuyển đổi thành công ty cổ phần;

+ Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016-2020.

- Đến năm 2030 chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước và các đơn vị cung ứng các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu; giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025; giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021-2025.

6. Về hiện đại hóa hành chính

- Hạ tầng công nghệ thông tin

+ Ban hành Khung kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Nam Định phiên bản 2.0 và triển khai các dự án phát triển hạ tầng đáp ứng khung kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0.

+ Tiếp tục hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin của các ngành và địa phương; đầu tư, nâng cấp, thay thế các trang thiết bị, thiết bị mạng, thiết bị ngoại vi đã lạc hậu, xuống cấp không đáp ứng được yêu cầu công việc. Trung tâm tích hợp dữ liệu được nâng cấp bảo đảm đáp ứng nhu cầu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

+ Đẩy mạnh việc triển khai, kết nối sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng.

+ Thực hiện chuyển đổi IPv6 cho các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh, như: Cổng thông tin điện tử và Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh,...

- Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

+ Bố trí cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin có đủ năng lực và trình độ cho các đơn vị còn thiếu nhằm đảm bảo việc tham mưu triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh đồng bộ và hiệu quả. Ưu tiên sử dụng nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao trong hệ thống các cơ quan nhà nước.

+ Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho các cán bộ công chức, viên chức, cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin: bồi dưỡng về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính; bồi dưỡng quản trị mạng nội bộ và bảo mật, an toàn, an ninh thông tin; quản trị các hệ thống thông tin, nhất là các hệ thống có mật độ giao tiếp rộng rãi với môi trường bên ngoài như cổng thông tin điện tử tỉnh, các cổng/trang thông tin điện tử thành phần, cổng dịch vụ công trực tuyến.

- Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

+ Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng/Trang thông tin điện tử của 18 sở, ngành, 10 huyện, thành phố và 226 xã, xã, phường, thị trấn, đảm bảo hoạt động ổn định, thông tin được cập nhật đầy đủ kịp thời theo quy định.

+ Đảm bảo hoạt động Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến; đổi mới, đa dạng hóa các phương thức họp trực tuyến, phòng họp không giấy tờ; quản lý điều hành công việc từ xa.

+ Ứng dụng tối đa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Áp dụng thành quả của cách mạng công nghiệp 4.0; ứng dụng các nền tảng sử dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát của các cơ quan nhà nước.

- Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

+ Thường xuyên cập nhật, công khai đầy đủ thông tin trên cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động của Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh; Đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4.

+ Từng bước phát triển đô thị thông minh với mục tiêu chính là hướng tới lợi ích của người dân và doanh nghiệp.

- Đôn đốc các cơ quan hành chính trong tỉnh thực hiện việc chuyển đổi HTQLCL ISO sang phiên bản 2015 theo đúng lộ trình (hết năm 2020 100% cơ quan hành chính chuyển đổi sang phiên bản ISO 9001: 2015). Mở rộng áp dụng HTQLCL ISO đến các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Phần thứ ba

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới:

- Lĩnh vực cải cách thể chế

Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương kịp thời ban hành văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật, Nghị định... Đồng thời rà soát các văn bản dưới Luật có giao cho địa phương quy định về thủ tục hành chính để ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cho phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

- Lĩnh vực TTHC

+ Văn phòng Chính phủ tham mưu cho Chính phủ sớm ban hành Nghị định chung về kiểm soát TTHC hoặc có văn bản hợp nhất các Nghị định về kiểm soát TTHC do hiện nay còn nhiều Nghị định điều chỉnh dẫn tới việc thực hiện gặp nhiều khó khăn.

+ Quyết định công bố TTHC của một số Bộ, ngành có nhiều thủ tục không đủ bộ phận cấu thành theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP hoặc công bố thủ tục nội bộ của cơ quan nhà nước (không phù hợp với điểm a khoản 2, Điều 1, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)... đề nghị có hướng dẫn cụ thể về những TTHC loại này đảm bảo các TTHC được công bố đúng quy định;

+ Đề nghị các Bộ, ngành nhanh chóng rà soát, chuẩn hóa, công bố, công khai TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý và thẩm quyền giải quyết của Bộ, ngành, địa phương làm căn cứ để UBND tỉnh triển khai thực hiện.

- Lĩnh vực tổ chức bộ máy

Đề nghị sớm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, quy định về quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ để có căn cứ tổ chức triển khai thực hiện; có hướng dẫn cụ thể về cơ chế vận hành, tổ chức bộ máy, biên chế đối với các cơ quan đã thực hiện hợp nhất giữa cơ quan chuyên môn khối Đảng và Nhà nước.

Đề nghị Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính ban hành văn bản hỗ trợ kinh phí các địa phương trong việc thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021; có hướng dẫn cụ thể, hỗ trợ về cơ chế, chính sách thỏa đáng động viên đối với cán bộ, công chức cấp xã thuộc diện phải sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã xin nghỉ hưu trước tuổi ngoài chế độ chính sách hiện có đối với cán bộ bầu cử và công chức cấp xã.

Đề nghị Trung ương tiếp tục nghiên cứu kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức bên trong trực thuộc cơ quan hành chính các cấp đảm bảo tinh gọn, giảm đầu mối đơn vị trực thuộc, không nhất thiết Trung ương có tổ chức nào thì cấp dưới phải có tổ chức đó. Tiếp tục nghiên cứu tách bạch chức năng quản lý hành chính nhà nước và dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị sự nghiệp.

Đề nghị Trung ương ban hành văn bản quy định cụ thể về số lượng lãnh đạo từ cấp phòng đối với các cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương.

- Lĩnh vực nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức

Đề nghị đẩy mạnh việc phân cấp nhiệm vụ từ Trung ương cho chính quyền địa phương qua đó phát huy tinh thần trách nhiệm, tính năng động, chủ động, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trên các nhiệm vụ được phân cấp.

- Lĩnh vực tài chính

+ Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính : Đề nghị tiến hành rà soát, điều chỉnh hệ thống định mức chi tiêu phù hợp với tình hình thực tế, có tính khả thi trong điều kiện giá cả biến động , việc điều chỉnh được tiến hành thường xuyên hàng năm.

+ Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập

Mở rộng hơn quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, thực chất là tính xã hội hóa.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế cụ thể, chính sách khuyến khích các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần hoặc giảm bớt mức độ bảo đảm từ Ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập do Ngân sách nhà nước đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên và các đơn vị sự nghiệp do Ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC trong giai đoạn tới

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong thực hiện nhiệm vụ CCHC

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra công vụ; phân định rõ trách nhiệm cá nhân của từng cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Thực hiện tốt sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh; Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức với cơ cấu và số lượng hợp lý; đổi mới công tác thi tuyển cạnh tranh trong tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

- Xác định, lựa chọn các nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung chỉ đạo tạo ra sự đột phá, chuyển biến mạnh mẽ trong việc thực hiện CCHC của tỉnh

- Đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin; hoàn thiện tiêu chí cụ thể đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức để kịp thời khen thưởng, xây dựng nhân rộng mô hình đối với những tập thể, cá nhân làm tốt và kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân vi phạm, những nhiều người dân và tổ chức đến giao dịch hành chính.

- Đề tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền hành chính hiện đại cần:

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; đẩy mạnh cải tiến, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Lắng nghe ý kiến phản ánh của người dân về hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, kịp thời khắc phục những hạn chế yếu kém../.

UBND tỉnh Nam Định trân trọng báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên ;
- Sở Nội vụ;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VP1, VP8

Phạm Đình Nghị